

Bản án số: 78/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2017
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn,
nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Trần Văn Đô;**

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà **Hồ Thị Mai Hương**
Ông **Phạm Phước Tâm**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 16 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hồ Chí C**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Bé B**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp B1, xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2017; biên bản hòa giải ngày 03/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Hồ Chí C trình bày:

- **Về hôn nhân:** Anh C và chị Bé B sống chung vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Cao Lãnh ngày 04/11/2002. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng vẫn hạnh phúc, nhưng thời gian sau giữa anh và chị Bé B xảy ra nhiều mâu thuẫn. Gia đình chị Bé B thường xuyên đánh anh C không có lý do, nhưng chị Bé B không khuyên can. Chị Bé B đã bỏ đi hơn 06 tháng nay, không

cùng anh chăm sóc con, chăm lo cho gia đình. Anh có làm đơn xin ly hôn với chị Bé B tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh nhưng được sự động viên của Tòa án nên đã rút đơn để hàn gắn tình cảm.

Nay vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh C yêu cầu được ly hôn với chị Bé B.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Chí N, sinh ngày 26/4/1998 và Hồ Kim T, sinh ngày 15/7/2004; hiện đang sống chung với anh C. Khi ly hôn anh C yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu chị Bé B cấp dưỡng. Riêng cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng không có tài sản chung.

- **Về nợ chung:** Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/11/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Nguyễn Thị Bé B trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị Bé B thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng có đăng ký kết hôn như anh C trình bày. Vợ chồng sống chung vẫn hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn, việc chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống hơn 06 tháng nay là do anh C đuổi. Trong thời gian ly thân chị có đến nhà anh C tìm cách hàn gắn tình cảm được 02 lần nhưng không thành.

Nay chị Bé B vẫn còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Hồ Chí C.

Tại phiên tòa hôm nay chị Bé B cũng thừa nhận không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Chí N, sinh ngày 26/4/1998 và Hồ Kim T, sinh ngày 15/7/2004; hiện đang sống chung với anh C. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị đồng ý để anh C nuôi cháu T, chị không cấp dưỡng. Riêng cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng không có và thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy chứng nhận kết hôn Hồ Chí C - Nguyễn Thị Bé B; ngày đăng ký 04/11/2002 tại UBND xã M, huyện Cao Lãnh (Bản sao);
2. Trích lục khai sinh Hồ Chí N, sinh ngày 26/4/1998 (Bản sao)
3. Giấy khai sinh Hồ Kim T, sinh ngày 15/7/2004 (bản sao)
4. Bản tự khai Hồ Kim T, ngày 03/11/2017.

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 03/11/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Hồ Chí C có đơn yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung*”.

Chị Nguyễn Thị Bé B là người bị kiện có địa chỉ tại ấp B, xã N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Bé B chung sống với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Cao Lãnh ngày 04/11/2002. Xét thấy hôn nhân giữa anh C và chị Bé B là hợp pháp, anh C yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, anh C và chị Bé B đều thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn nhau, anh C có nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Bé B một lần đã rút đơn để hàn gắn nhưng không thành. Hiện nay vợ chồng đã ly thân, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị Bé B cho rằng vẫn còn thương chồng không đồng ý ly hôn nhưng từ khi vợ chồng ly thân với nhau chị Bé B không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh C.

- Về con chung: Anh C và chị Bé B thừa nhận có 02 con chung tên Hồ Chí N, sinh ngày 26/4/1998 và Hồ Kim T, sinh ngày 15/7/2004. Căn cứ vào bản tự khai, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh C. Đồng thời, anh C và chị Bé B thỏa thuận như sau:

Anh Hồ Chí C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hồ Kim T, sinh ngày 15/7/2004, chị Bé B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu. Riêng cháu N đã trưởng thành nên anh C và chị Bé B thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Bé B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Anh C và chị Bé B trình bày thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Anh C và chị Bé B trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án anh C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị anh C

đã nộp theo Biên lai số 16203 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Hồ Chí C.

1. Về hôn nhân: Anh Hồ Chí C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé B.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh C và chị Bé B như sau:

Anh Hồ Chí C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Hồ Kim T, sinh ngày 15/7/2004, chị Bé B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Bé B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng con chung tên Hồ Chí N đã trưởng thành nên không đặt vấn đề xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh C và chị Bé B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Anh C và chị Bé B thống nhất không có.

Về án phí: Anh Hồ Chí C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 16203 ngày 18/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đô